

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2101/QĐ-ĐHTCM, ngày 08 tháng 10 năm 2019
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing)

Tên chương trình : NGÂN HÀNG – CHẤT LƯỢNG CAO
Tên tiếng Anh : BANKING
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Tài chính – Ngân hàng Mã số: 7340201

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng, chuyên ngành Ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, có năng lực nghiên cứu, hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- **Mục tiêu 1:** Vận dụng được những kiến thức toán học, khoa học xã hội cơ bản vào lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
- **Mục tiêu 2:** Vận dụng được những lý thuyết kinh tế vào lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
- **Mục tiêu 3:** Phân tích được những vấn đề chuyên môn có liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
- **Mục tiêu 4:** Sử dụng thành thạo ngoại ngữ, các phương pháp, công cụ, nghiệp vụ liên quan đến chuyên ngành Ngân hàng để có thể làm việc trong môi trường đa ngành và đa văn hóa.
- **Mục tiêu 5:** Có ý thức về đạo đức, trách nhiệm trong chuyên môn nghề nghiệp, cũng như ý thức bảo vệ lợi ích tổ chức và quốc gia.
- **Mục tiêu 6:** Có khả năng cập nhật kiến thức mới nhằm đáp ứng nhu cầu công việc và học tập nâng cao trình độ.

2. CHUẨN ĐẦU RA

(Chuẩn đầu ra của người tốt nghiệp Đại học phải đạt Bậc 6 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Sinh viên khi tốt nghiệp sẽ đạt được các chuẩn đầu ra sau:

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA
Kiến thức	<p>K1. Có các kiến thức về lý luận chính trị và khoa học xã hội cơ bản nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế</p> <p>K2. Có khả năng vận dụng được các kiến thức toán học, tin học, phân tích thống kê nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế</p> <p>K3. Có kiến thức về kinh tế học để vận dụng giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng</p> <p>K4. Có khả năng vận dụng được các kiến thức kinh tế và các nguyên lý cơ bản trong lĩnh vực kinh tế - quản trị nhằm đáp ứng việc tiếp thu kiến thức ngành, chuyên ngành và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng</p> <p>K5. Hiểu và phân tích được các nguyên lý cơ bản của lĩnh vực tài chính ngân hàng trong quá trình vận hành của thị trường tài chính, hoạt động của các tổ chức kinh tế.</p> <p>K6. Có khả năng thực hiện các nghiệp vụ và xác định được quy trình vận hành của doanh nghiệp, ngân hàng, các tổ chức bảo hiểm và các tổ chức tài chính nhà nước</p> <p>K7. Hiểu và vận dụng tốt các nghiệp vụ chuyên sâu của lĩnh vực tài chính ngân hàng trong thực tiễn hoạt động của các doanh nghiệp, các định chế tài chính...</p> <p>K8. Có khả năng phân tích và hoạch định chính sách và các kế hoạch hoạt động chuyên môn của lĩnh vực tài chính ngân hàng trong thực tiễn.</p>
Kỹ năng	S1. Vận dụng được kiến thức lý luận vào thực tiễn công việc thuộc

	<p>lĩnh vực kinh tế, Tài chính - Ngân hàng.</p> <p>S2. Nhận định chính xác vấn đề và đưa ra kết luận về các vấn đề liên quan đến chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực kinh tế, Tài chính - Ngân hàng.</p> <p>S3. Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực kinh tế, Tài chính - Ngân hàng.</p> <p>S4. Quản trị nhóm, ra quyết định, truyền đạt vấn đề, sáng tạo, chủ động trong giao tiếp và giải quyết công việc</p> <p>S5. Ứng dụng tốt tin học và thành thạo ngoại ngữ chuyên ngành trong giải quyết công việc</p>
Mức tự chủ và chịu trách nhiệm	<p>A1. Tự định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp</p> <p>A2. Tự xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và tích lũy kinh nghiệm chuyên môn nghề nghiệp.</p> <p>A3. Tôn trọng nguyên tắc làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm</p> <p>A4. Tuân thủ nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp</p>

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

127 tín chỉ không kể Kỹ năng mềm, giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất.

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 40 tín chỉ.
- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 87 chỉ.

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Theo quy chế tuyển sinh của Bộ giáo dục và đào tạo

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO

Theo qui định đào tạo Học chế tín chỉ ban hành tại Quyết định số 781/QĐ-ĐHTCM ngày 06/06/2017 của trường Đại học Tài Chính – Marketing

7. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

- Tích lũy đủ 127 tín chỉ (không kể giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng – an ninh) và thỏa các điều kiện theo Qui định ở Điều 29, chương V, Qui định về tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ của trường, ban hành tại Quyết định số 1194/QĐ/ĐHTCM-QLĐT, ngày 19/7/2012; Qui định về chuẩn đầu ra của trường đối với bậc đại học hệ chính quy.

- Điều kiện về trình độ tin học: (Theo Thông báo số 1193/TB-ĐHTCM ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing Về việc hướng dẫn thực hiện Chuẩn đầu ra tiếng Anh và tin học đối với sinh viên các khóa đào tạo bậc đại học hệ chính quy).

• Đối với các khóa đào tạo có chuẩn đầu ra áp dụng chứng chỉ A, B tin học: áp dụng một trong các điều kiện sau:

+ Chứng chỉ tin học văn phòng quốc tế MOS cấp độ Specialist (MS. Word, MS. Excel) do Microsoft cấp.

+ Bằng tốt nghiệp Đại học hoặc Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin hay Hệ thống thông tin quản lý hệ chính quy hoặc hệ vừa làm vừa học.

+ Chứng nhận tin học đạt trình độ tương đương trình độ ứng dụng CNTT cơ bản do trường Đại học Tài chính – Marketing tổ chức kiểm tra.

+ Chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản (theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT) do các cơ sở giáo dục công lập cấp theo sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Chứng chỉ tin học trình độ A, B còn thời hạn giá trị do Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học của trường Đại học Tài chính – Marketing cấp hoặc do các Trung tâm đào tạo tin học thuộc các cơ sở đào tạo đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục Việt Nam cấp theo sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Chứng nhận tin học đạt trình độ tương đương trình độ A, B do trường Đại học Tài chính – Marketing tổ chức kiểm tra.

- Đối với các khóa đào tạo có chuẩn đầu ra áp dụng chứng chỉ tin học MOS: áp dụng một trong các điều kiện sau: (Theo Thông báo số 1193/TB-ĐHTCM ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing Về việc hướng dẫn thực hiện Chuẩn đầu ra tiếng Anh và tin học đối với sinh viên các khóa đào tạo bậc đại học hệ chính quy).

+ Chứng chỉ tin học văn phòng quốc tế MOS cấp độ Specialist (MS. Word, MS. Excel) do Microsoft cấp.

+ Bằng tốt nghiệp Đại học hoặc Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin hay Hệ thống thông tin quản lý hệ chính quy hoặc hệ vừa làm vừa học.

+ Chứng nhận tin học đạt trình độ tương đương trình độ ứng dụng CNTT cơ bản do trường Đại học Tài chính – Marketing tổ chức kiểm tra.

+ Chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản (theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT) do các cơ sở giáo dục công lập cấp theo sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Điều kiện về trình độ tiếng Anh:

Chương trình đào tạo áp dụng	Cấp độ theo Khung tham chiếu chung Châu Âu (CEFR)	Cấp độ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	IELTS	TOEFL (PBT/CBT/iBT)	TOEIC	Kết quả kiểm tra tiếng Anh do trường Đại học Tài chính – Marketing tổ chức
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chương trình chất lượng cao	B2	4/6	5.0	500/173/61	570	

Ghi chú:

- Các điểm số, cấp độ nêu trên là điểm số, cấp độ tối thiểu cần đạt được; điểm số tô đậm là điểm số của chứng chỉ tương ứng đã nêu trong nội dung chuẩn đầu ra.

- (1), (2): là các chứng chỉ xác nhận trình độ ngoại ngữ theo Khung tham chiếu chung châu Âu (CEFR) hoặc theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do các cơ sở giáo dục công lập cấp theo sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- (3): là Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS do Hội đồng Anh, Đại học Cambridge, IDP-Úc cấp.

- (4), (5): là Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế TOEIC, TOEFL do Viện Khảo thí giáo dục Hoa Kỳ (ETS) cấp qua đại diện tại Việt Nam – Trung tâm IIG Việt Nam.

- (6): Xác nhận đạt yêu cầu trình độ tiếng Anh theo quy định chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo tại kỳ kiểm tra tiếng Anh do trường Đại học Tài chính – Marketing tổ chức.

- Có chứng chỉ Giáo dục an ninh quốc phòng;
- Có chứng chỉ Giáo dục thể chất;
- Kỹ năng mềm: 4/8 kỹ năng như sau:

Hoàn thành 2 trong 4 kỹ năng cần cho sinh viên trong việc học đại học:

- Kỹ năng thuyết trình
- Kỹ năng Làm việc nhóm
- Kỹ năng Quản lý thời gian
- Kỹ năng Tư duy sáng tạo

Hoàn thành 2/4 kỹ năng thuộc nhóm kỹ năng cần cho sinh viên trong làm việc

- Kỹ năng Giao tiếp
- Kỹ năng Giải quyết vấn đề
- Kỹ năng tìm việc
- Kỹ năng Khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp

8. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ

Thang điểm đánh giá kết quả học tập các học phần của sinh viên theo quy định ở Điều 5, Chương I qui định về đào tạo theo học chế tín chỉ của trường ban hành tại Quyết định số 781/QĐ-ĐHTCM ngày 06/06/2017.

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

STT/ mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				LT	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Tự học	
1. Kiến thức giáo dục đại cương								
1.1 Lý luận chính trị: 11 tín chỉ								

	Triết học Mác - Lênin		3	45	0	0	90	
	Kinh tế chính trị Mác - Lênin		2	30	0	0	60	
	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	30	0	0	60	
	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	30	0	0	60	
	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	30	0	0	60	
1.2 Khoa học xã hội: 3 tín chỉ								
	Pháp luật đại cương		3	45	0	0	90	
1.3 Ngoại ngữ: 18 tín chỉ								
	Anh văn 1		3	45	0	0	90	
	Anh văn 2		3	45	0	0	90	
	Anh văn 3		3	45	0	0	90	
	Anh văn 4		3	45	0	0	90	
	Anh văn 5		3	45	0	0	90	
	Anh văn 6		3	45	0	0	90	
1.4 Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ - Môi trường: 8 tín chỉ								
	Toán cao cấp		4	60	0	0	120	
	Tin học đại cương		4	60	0	0	120	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp								
2.1 Kiến thức cơ sở: 21 tín chỉ								
	Kinh tế vi mô 1		3	45	0	0	90	
	Kinh tế vĩ mô 1		3	45	0	0	90	
	Nguyên lý kế toán		3	45	0	0	90	Giảng dạy bằng Tiếng Anh
	Nguyên lý marketing		3	45	0	0	90	
	Quản trị học		3	45	0	0	90	
	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1		3	45	0	0	90	Giảng dạy bằng

								Tiếng Anh
	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng		3	45	0	0	90	
2.2 Kiến thức ngành (29 tín chỉ)								
	Nguyên lý thẩm định giá (Principles of Valuation)		3	45	0	0	90	
	Tài chính công (Public finance)		3	45	0	0	90	
	Thuế 1 (Taxation 1)		3	45	0	0	90	
	Thị trường chứng khoán (Securities Markets)		3	45	0	0	90	
	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm (Principles and Practices of insurance)		3	45	0	0	90	
	Tài chính doanh nghiệp 1 (Corporate Finance 1)		3	45	0	0	90	Giảng dạy bằng Tiếng Anh
	Ngân hàng thương mại (Commercial Bank)		3	45	0	0	90	
	Tài chính quốc tế (International Finance)		3	45	0	0	90	Giảng dạy bằng Tiếng Anh
	Kinh tế lượng (Econometrics)		3	45	0	0	90	
	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 2		2	30	0	0	60	Giảng dạy bằng Tiếng Anh
2.3 Kiến thức chuyên ngành (25 tín chỉ)								
	Học phần bắt buộc							
	Thẩm định tín dụng (Credit Appraisal)		3	45	0	0	90	
	Ngân hàng quốc tế 1		2	30	0	0	60	

	(International banking 1)							
	Kinh doanh ngoại hối (Foreign exchange transactions)		3	45	0	0	90	
	Ngân hàng quốc tế 2 (International banking 2)		3	45	0	0	90	
	Quản trị ngân hàng (Bank management)		3	45	0	0	90	
	Ngân hàng trung ương (Central Bank)		2	30	0	0	60	
	Thực hành nghề nghiệp (Practicum)		2	0	0	30	30	
	Học phần tự chọn							
	<i>Mảng kiến thức đầu tư</i>							
	Quản lý danh mục đầu tư (Portfolio management)		2	30	0	0	60	
	Ngân hàng đầu tư				0	0		
	<i>Mảng kiến thức chuyên sâu về ngân hàng</i>							
	Quản trị rủi ro trong ngân hàng và Basel (Risk management and Basel Accord)		2	30	0	0	60	
	Xếp hạng tín dụng (Credit rating)				0	0		
	<i>Mảng kiến thức chuyên sâu hoạt động kinh doanh</i>							
	Thị trường Chứng khoán phái sinh (Derivatives securities market)		3	45	0	0	90	
	Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng (Bank performance evaluation and analysis)				0	0		

2.4 Kiến thức bổ trợ ngành: 6 tín chỉ							
	Kế toán tài chính 1		3	45	0	0	90
	Kế toán ngân hàng				0	0	
	Tài chính doanh nghiệp 2 (Corporate finance 2)		3	45	0	0	90
	Toán tài chính (Financial Mathematics)				0	0	
3. Tốt nghiệp: 6 tín chỉ							
	Khóa luận tốt nghiệp		6		0	90	90
Hoặc							
	Thực tập cuối khóa		3		0	45	45
	(Môn thay thế) Marketing ngân hàng		3	45	0	0	90

10. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Năm 1

Học kỳ 1: 13

STT	TÊN HỌC PHẦN	TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	GHI CHÚ
1	Triết học Mác - Lênin	3		
2	Kinh tế vi mô 1	3		
3	Anh văn 1	3		
4	Toán cao cấp	4		
5	Giáo dục quốc phòng	8		
6	Giáo dục thể chất	1		
	Tổng cộng (Không kể giáo dục thể chất và quốc phòng)	13		

Học kỳ 2: 13

STT	TÊN HỌC PHẦN	TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	GHI CHÚ
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		
2	Pháp luật đại cương	3		

3	Anh văn 2	3		
4	Quản trị học	3		
5	Kinh tế vĩ mô 1	3		
	Tổng cộng	13		

Học kỳ 3: 13

STT	TÊN HỌC PHẦN	TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	GHI CHÚ
1	Nguyên lý Marketing	3		
2	Nguyên lý kế toán	3		Giảng bằng Tiếng Anh
3	Tiền tệ, Ngân hàng và Thị trường tài chính 1	3		Giảng bằng Tiếng Anh
4	Tin học đại cương	4		
5	Giáo dục thể chất	1		
	Tổng cộng (Không kể giáo dục thể chất)	13		

Năm 2

Học kỳ 4: 13

STT	TÊN HỌC PHẦN	TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	GHI CHÚ
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		
2	Anh văn 3	3		
3	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng	3		
4	Kinh tế lượng	3		
5	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 2	2		Giảng bằng Tiếng Anh
	Tổng cộng	13		

Học kỳ 5: 14

STT	TÊN HỌC PHẦN	TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	GHI CHÚ
-----	--------------	----	-------------------------	---------

1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		
2	Nguyên lý thực hành và bảo hiểm	3		
3	Nguyên lý Thẩm định giá	3		
4	Anh văn 4	3		
5	Tài chính doanh nghiệp 1	3		Giảng bằng Tiếng Anh
6	Giáo dục thể chất	1		
	Tổng cộng (Không kể giáo dục thể chất)	14		

Học kỳ 6: 15

STT	TÊN HỌC PHẦN	TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	GHI CHÚ
1	Toán tài chính	3		Chọn 1 trong 2
	Tài chính doanh nghiệp 2			
2	Thị trường chứng khoán	3		
3	Ngân hàng thương mại	3		
4	Tài chính quốc tế	3		Giảng bằng Tiếng Anh
5	Anh văn 5	3		
6	Giáo dục thể chất	1		
	Tổng cộng (Không kể giáo dục thể chất)	15		

Năm 3

Học kỳ 7: 15

STT	TÊN HỌC PHẦN	TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	GHI CHÚ
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		
2	Thuế 1	3		
3	Kế toán tài chính 1	3		Chọn 1 trong 2
	Kế toán ngân hàng			
4	Tài chính công	3		
5	Anh văn 6	3		

	Tổng cộng	14	
--	-----------	----	--

Học kỳ 8: 12

STT	TÊN HỌC PHẦN	TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	GHI CHÚ
1	Thẩm định tín dụng	3		
2	Kinh doanh ngoại hối	3		
3	Ngân hàng quốc tế 1	2		
4	Ngân hàng trung ương	2		
5	Quản lý danh mục đầu tư	2		Chọn 1 trong 2
	Ngân hàng đầu tư			
	Tổng cộng	12		

Học kỳ 9: 13

STT	TÊN HỌC PHẦN	TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	GHI CHÚ
1	Ngân hàng quốc tế 2	3		
2	Quản trị ngân hàng	3		
3	Thị trường Chứng khoán phái sinh	3		Chọn 1 trong 2
	Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng			
4	Quản trị rủi ro trong ngân hàng và Basel	2		Chọn 1 trong 2
	Xếp hạng tín dụng			
5	Thực hành nghề nghiệp	2		
	Tổng cộng	13		

Năm 4

Học kỳ 10: 6

Khóa luận tốt nghiệp: 6 TC

Đối với sinh viên không làm khóa luận thì sẽ Thực tập cuối khóa 3 TC, đồng thời trong thời gian này phải học bổ sung thêm 1 học phần tổng cộng 3 TC

		TÊN HỌC PHẦN	TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	GHI CHÚ
		Khóa luận tốt nghiệp	6		Bắt buộc
Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp					
		Marketing ngân hàng	3		
		Thực tập cuối khóa	3		Bắt buộc

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

11.1. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

- Sau khi kế hoạch đào tạo đã được phê duyệt. Khoa và Bộ môn sẽ tổ chức, triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo theo kế hoạch từng năm và học kỳ. Hàng năm Bộ môn sẽ xây dựng, cập nhật đề cương chi tiết các môn chuyên ngành của bộ môn, xây dựng các kế hoạch thực hành cho từng môn chuyên ngành và kế hoạch thực tập tốt nghiệp.
- Khoa chịu trách nhiệm phân công giáo viên giảng, theo dõi nội dung giảng dạy theo đúng với yêu cầu đề cương chương trình môn học. Tổ chức đánh giá kết quả học tập theo đúng qui chế của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo.
- Trong quá trình tổ chức thực hiện sẽ đề xuất những yêu cầu cần thiết về cơ sở vật chất và các phương tiện giảng dạy phục vụ cho quá trình đào tạo. Hoặc đề xuất những thay đổi về phương pháp giảng dạy phù hợp với tình hình thực tế.

11.2. Phương pháp đào tạo

- Kết hợp quá trình giảng dạy, hướng dẫn của thầy và tự nghiên cứu của SV, đề cao và khuyến khích tính tự chủ, năng động trong học tập và nghiên cứu của sinh viên.
- Áp dụng các phương pháp giảng dạy mới như: nêu vấn đề, bài tập tình huống, đề tài nhóm... Chú trọng đến kỹ năng thực hành các môn học chuyên ngành.
- Áp dụng các hình thức thực hành đa dạng cho các môn chuyên ngành như:

- Giảng viên chỉ giảng dạy các nội dung cơ bản, hướng dẫn tài liệu tham khảo, bài đọc thêm, đề nghị SV đọc và tham gia thảo luận trên lớp hoặc bài viết.
- Tham quan doanh nghiệp, xem tư liệu, thảo luận theo nhóm và viết bài thu hoạch
- Mời các doanh nghiệp báo cáo thực tế viết bài thu hoạch về doanh nghiệp...
- Kết hợp đào tạo lý thuyết và thực tiễn thông qua sinh viên thực tập làm việc tại các đơn vị trong quá trình thực hành nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp.
- Thực hiện đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên.

12. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH

12.1 Triết học Mác - Lênin

3 TC

Trang bị cho sinh viên một cách tương đối có hệ thống những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của Triết học Mác - Lênin. Bước đầu biết vận dụng các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác - Lênin vào nghiên cứu khoa học thể dục thể thao, cũng như phân tích các vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra.

Chuẩn đầu ra: K1, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.2 Kinh tế chính trị Mác - Lênin

2 TC

Môn học trước: Triết học Mác - Lênin

Cung cấp cho sinh viên một cách tương đối hệ thống, có chọn lọc những kiến thức cơ bản của môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Trên cơ sở đó, hiểu được các quan điểm của Đảng về đường lối, chính sách kinh tế trong thời kỳ quá độ ở nước ta, góp phần xây dựng, củng cố lòng tin vào Đảng và chế độ XHCN ở nước ta. Tiếp tục bồi dưỡng thế giới quan, phương pháp luận và tư duy kinh tế, bước đầu biết vận dụng kiến thức kinh tế chính trị vào việc phân tích các vấn đề kinh tế, xã hội và thực tiễn đất nước.

Chuẩn đầu ra: K1, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2 TC

Môn học trước: Triết học Mác - Lênin

Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, những căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

Chuẩn đầu ra: K1, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.4 Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

2 TC

Môn học trước: Triết học Mác - Lênin

Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp cho sinh viên hiểu biết một cách có hệ thống và tương đối toàn diện về sự ra đời, về sứ mệnh lịch sử, tổ chức và lãnh đạo cách mạng của Đảng (bằng Cương lĩnh, chiến lược các định hướng lớn về chính sách chủ trương công tác tuyên truyền, vận động, kiểm tra, tổ chức quần chúng đấu tranh, bằng hành động tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên...)

Chuẩn đầu ra: K1, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

2 TC

Môn học trước: Triết học Mác - Lênin

Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của CMVN, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo CN Mác Lênin, vào điều kiện cụ thể nước ta, đồng thời là kết tinh tinh hoa dân tộc và trí tuệ thời đại về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người

Chuẩn đầu ra: K1, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.6. Pháp luật Đại cương

3 TC

Môn học trước: Triết học Mác - Lênin

Học phần giới thiệu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về Nhà nước và pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó, đi vào phân tích: Cấu trúc của bộ máy Nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; Tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; Một số nội dung cơ bản của Luật hành Chánh, Luật Dân sự, Luật Hình sự.

Chuẩn đầu ra: K1, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.7. Anh văn

18 TC

Môn học trước: Triết học Mác - Lênin

Đây là nội dung ngoại ngữ căn bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ vựng cần thiết trong giao tiếp và kinh doanh. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 7 năm ở bậc trung học.

Chuẩn đầu ra: S5, A1, A2, A3, A4

12.8. Toán cao cấp

4 TC

Môn học trước: Triết học Mác - Lênin

Học phần cung cấp kiến thức đại cương về tập hợp, quan hệ và logic suy luận, cũng như các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích toán học thực sự cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân tích quá trình ra quyết định trong kinh tế và quản lý: Không gian vectơ số học n chiều; Ma trận và định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Dạng toàn phương; Hàm số và giới hạn; Phép tính vi phân đối với hàm số một biến số; Hàm nhiều biến và hàm ẩn; Các bài toán cực trị; phép tính tích phân; Phương trình vi phân; Phương trình sai phân.

Chuẩn đầu ra: K2, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.9. Tin học đại cương

3 TC

Môn học trước: Toán cao cấp

Học phần trang bị cho sinh viên khối ngành Kinh tế- quản trị kinh doanh những kiến thức cơ bản về tin học xét trên quan điểm của người ứng dụng. Học phần đề cập đến

5 khối kiến thức: Một số vấn đề căn bản về tin học và máy tính; Các hệ điều hành MS DOS và Window; Soạn thảo văn bản trên máy tính; Sử dụng bản tính Excel; Sử dụng các dịch vụ cơ bản của Internet. Học phần sẽ giúp sinh viên nâng cao kỹ năng sử dụng máy vi tính và các phần mềm thông dụng nhất.

Chuẩn đầu ra: K2, S5, A1, A2, A3, A4

12.10. Kinh tế vi mô 1

3 TC

Môn học trước: Toán cao cấp.

Giới thiệu kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh. Học phần còn đề cập đến hành vi của các thành viên trong một nền kinh tế: người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ. Qua đó, sinh viên sẽ được trang bị công cụ phân tích để hiểu và có thể áp dụng khi học các học phần tiếp theo.

Chuẩn đầu ra: K3, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.11. Kinh tế vĩ mô 1

3 TC

Môn học trước: Toán cao cấp, Kinh tế vi mô I

Giới thiệu một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm: Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; Mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; Giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; Lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; Giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm các cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.

Chuẩn đầu ra: K3, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.12. Nguyên lý kế toán

3 TC

Môn học trước: Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Kinh tế vi mô I, Kinh tế vĩ mô I

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết kế toán. Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình thu thập; ghi chép số liệu kế toán, trình tự kế toán các quá

trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán

Chuẩn đầu ra: K4, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.13. Nguyên lý Marketing (Basic Marketing)

3 TC

Môn học trước: Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Giới thiệu các khái niệm cơ bản về Marketing và những hoạt động cụ thể của các chức năng marketing trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và trong xã hội, những khái niệm về môi trường và phân tích môi trường marketing nghiên cứu thị trường và nhận diện các cơ hội kinh doanh, phân khúc thị trường và chọn thị trường mục tiêu, xây dựng chiến lược của marketing hỗn hợp, chiến lược sản phẩm-dịch vụ, chiến lược giá cả, chiến lược phân phối và chiến lược xúc tiến thương mại (quảng cáo, khuyến mãi, bán hàng trực tiếp và quan hệ cộng đồng) cùng với việc lập kế hoạch tổ chức và kiểm soát việc thực hiện các hoạt động Marketing.

Chuẩn đầu ra: K4, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.14. Quản trị học

3 TC

Môn học trước: Kinh tế vi mô I và Kinh tế vĩ mô I

Cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị và những ứng dụng trong thực tiễn như: bản chất của quản trị, nhà quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị cổ điển và hiện đại, các chức năng của quản trị như: hoạch định; tổ chức; giám đốc, điều hành và kiểm soát. Môn học này còn cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự đổi mới, quản trị xung đột, và cơ hội của một doanh nghiệp.

Chuẩn đầu ra: K4, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.15. Tiền tệ, thị trường tài chính và ngân hàng 1

3 TC

Môn học trước: kinh tế vi mô 1

Trang bị kiến thức nền liên quan đến tài chính, ngân hàng, thị trường tài chính qua đó sinh viên có cái nhìn tổng quan về thị trường kinh tế vĩ mô, mối quan hệ giữa các chủ thể trong nền kinh tế và sự tác động.

Chuẩn đầu ra: K4, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.16. Lý thuyết xác suất và thống kê toán

3 TC

Môn học trước: Toán cao cấp, Tin học đại cương, Kinh tế chính trị Mác- Lênin, Kinh tế vi mô I, Kinh tế vĩ mô I

Học phần được kết cấu thành hai phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng có liên quan chặt chẽ về nội dung: Phần lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của hiện tượng ngẫu nhiên. Phần thống kê toán bao gồm các nội dung: Cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, một phương pháp được dùng khá phổ biến trong điều tra, khảo sát các dữ liệu kinh tế và điều tra xã hội học; Các phương pháp ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.

Chuẩn đầu ra: K2, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.17. Nguyên lý thẩm định giá

3 TC

Môn học trước: Kinh tế vi mô 1.

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về khái niệm thẩm định giá, vai trò của thẩm định giá trong nền kinh tế thị trường, mục đích thẩm định giá, các tiêu chuẩn thẩm định giá quốc tế và Việt Nam, giới thiệu về nghề nghiệp thẩm định giá ở Việt Nam. Học phần cũng trang bị cho sinh viên cơ sở giá trị của thẩm định giá tài sản, các nguyên tắc thẩm định giá tài sản, các cách tiếp cận và các phương pháp thẩm định giá tài sản, quy trình thẩm định giá tài sản và hoàn tất một báo cáo thẩm định giá tài sản. Với các kiến thức cơ bản về lý luận và ví dụ thực tiễn, sinh viên có thể thực hiện thẩm định giá tài sản ở mức độ đơn giản như bất động sản, máy thiết bị, .v.v...

Chuẩn đầu ra: K5, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.18. Tài chính công

3 TC

Môn học trước: Tiền tệ, thị trường tài chính và ngân hàng 2

Giúp người học nhận biết được các khái niệm và vấn đề liên quan tới lĩnh vực tài chính công, Giúp người học nắm vững và tái hiện lại theo ngôn ngữ riêng các quy

luật vận động của tài chính công, Giúp người học hệ thống lại kiến thức của môn học trong tổng thể chung của khối kiến thức liên quan tới khu vực công, Giúp người học có thể đánh giá về tình trạng vận hành của nền tài chính công trong thực tiễn.

Chuẩn đầu ra: K5, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.19. Thuế

3 TC

Môn học trước: Tiền tệ - ngân hàng và thị trường tài chính 1, Nguyên lý kế toán.

Môn học giới thiệu cho Sinh viên một cách khái quát toàn bộ hệ thống thuế Việt Nam hiện hành, đặc điểm, cơ cấu một sắc thuế, xu hướng cải cách thuế Việt Nam và thế giới; giới thiệu cho sinh viên một cách chi tiết một số sắc thuế chủ yếu: Những quy định chung và kỹ năng thực hành.

Chuẩn đầu ra: K5, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.20. Thị trường chứng khoán

3 TC

Môn học trước: Kinh tế vi mô I, Kinh tế vĩ mô I, Tiền tệ - ngân hàng và thị trường tài chính 1.

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về thị trường Tài chính, các công cụ lưu thông trên thị trường tài chính. Tìm hiểu cơ chế hoạt động và giao dịch trên thị trường chứng khoán. Phân tích và định giá các loại chứng khoán như : cổ phiếu, trái phiếu, và các chứng khoán phái sinh.

Chuẩn đầu ra: K5, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.21. Nguyên lý thực hành và bảo hiểm

3 TC

Môn học trước: Pháp luật đại cương, Kinh tế lượng, Tiền tệ - ngân hàng và thị trường tài chính 1.

Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về Bảo hiểm cho sinh viên theo học các chuyên ngành thuộc ngành Tài chính- ngân hàng; lý thuyết về rủi ro và rủi ro có thể Bảo hiểm; những vấn đề mang tính nguyên tắc của hợp đồng Bảo hiểm; đặc điểm, nguyên tắc chung của các loại hình Bảo hiểm (Bảo hiểm con người, Bảo hiểm Tài sản); kiến thức về thị trường Bảo hiểm Việt Nam và thế giới; nội dung của các

loại hình Bảo hiểm thiết yếu đối với hoạt động của các cá nhân và các tổ chức kinh tế xã hội ở Việt Nam.

Chuẩn đầu ra: K5, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.22. Tài chính doanh nghiệp 1

3 TC

Môn học trước: Kinh tế vi mô I, Kinh tế vĩ mô I, Tiền tệ - ngân hàng và thị trường tài chính 1; Nguyên lý thông kê kinh tế; Nguyên lý kế toán; Luật kinh tế.

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tài chính của doanh nghiệp với các nội dung chủ yếu là: Tổng quan về Tài chính doanh nghiệp và quản trị TCDN, Xác định nhu cầu vốn, tổ chức nguồn vốn và các hình thức huy động vốn của doanh nghiệp; Quản lý và sử dụng vốn; Chi phí; Doanh thu và lợi nhuận; Quyết định đầu tư dài hạn.

Chuẩn đầu ra: K6, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.23. Ngân hàng thương mại

3 TC

Môn học trước: Tiền tệ - ngân hàng và thị trường tài chính 1, Tài chính doanh nghiệp và Nguyên lý kế toán.

Môn học này trang bị cho Sinh viên kiến thức và kỹ năng thực hành các nghiệp vụ ngân hàng bao gồm: Huy động vốn, các loại tiền gửi dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt (séc, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng....), dịch vụ ngân quỹ, cho vay ngắn hạn, cho vay trung và dài hạn, cho vay tiêu dùng, cho thuê Tài chính, Tài trợ xuất nhập khẩu, Tài trợ dự án và một số nghiệp vụ khác của ngân hàng thương mại.

Chuẩn đầu ra: K6, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.24. Tài chính quốc tế

3 TC

Môn học trước: Kinh tế vi mô I, Kinh tế vĩ mô I, Tiền tệ - ngân hàng và thị trường tài chính 1.

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và lý luận nghiệp vụ về hoạt động tài chính diễn ra trên bình diện quốc tế với các nội dung chủ yếu là: Tổng quan về tài chính quốc tế; Thị trường về tài chính quốc tế; Các định chế về tài chính quốc tế; Tài chính

công ty đa quốc gia; Các hoạt động thanh toán, tín dụng, đầu tư quốc tế; Chính sách điều hành tỷ giá hối đoái và xác lập cán cân thanh toán quốc tế; Liên minh thuế quan giữa các quốc gia.

Chuẩn đầu ra: K6, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.25. Kinh tế lượng

3 TC

Môn học trước: Lý thuyết xác suất thống kê toán, Toán cao cấp, Kinh tế vi mô I, Kinh tế vĩ mô I, Tin học đại cương.

Học phần cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy một phương trình, cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như về kinh tế của mô hình. Học phần còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt Nam.

Chuẩn đầu ra: K2, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.26. Tiền tệ, thị trường tài chính và ngân hàng 2

2 TC

Môn học trước: Tiền tệ, thị trường tài chính và ngân hàng 1

Học phần sẽ trang bị kiến thức nềnliên quan đến tài chính – tiền tệ và thị trường tài chính qua đó sinh viên có cái nhìn tổng quát về các vấn đề liên quan đến tình hình kinh tế vĩ mô, mối quan hệ giữa các chủ thể trong nền kinh tế và sự tác động cũng như vai trò của các chủ thể trong các quan hệ kinh tế. Ngoài ra, học phần Tiền tệ - ngân hàng và thị trường tài chính 2 sẽ tạo cơ sở cho các môn học chuyên ngành như Tài chính doanh nghiệp, ngân hàng thương mại, ngân hàng trung ương, thị trường tài chính, thị trường chứng khoán,... Với tính chất quan trọng đó, môn tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 2 là môn học nền tảng, có tính xuyên suốt đối với các trường đại học khối ngành kinh tế.

Chuẩn đầu ra: K5, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.27. Giáo dục thể chất

4 TC

Nội dung ban hành Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/09/1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/04/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

12.28. Giáo dục quốc phòng**8 TC**

Nội dung ban hành tại Quyết định số 12/2000/QĐ-BGD&ĐT, ngày 09/05/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Đào tạo.

12.29. Thẩm định tín dụng**3 TC**

Môn học trước: Kinh tế vĩ mô, Tiền tệ - ngân hàng và thị trường tài chính 1, Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng thương mại.

Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về các phương pháp phân tích tín dụng của các ngân hàng thương mại hiện đại như: phân tích tín dụng khách hàng cá nhân, phân tích tín dụng khách hàng doanh nghiệp, phân tích dự án đầu tư. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể nhanh chóng nắm bắt được tổng quan các phương pháp phân tích tín dụng đối với hoạt động của NHTM.

Chuẩn đầu ra: K7, K8, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.30. Ngân hàng quốc tế 1**2 TC**

Môn học trước: Anh văn, Ngân hàng thương mại

Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về chứng từ giao dịch, tập quán thương mại quốc tế và các phương thức thanh toán quốc tế hiện nay. Môn học ngân hàng quốc tế 1 nhằm đào tạo cho sinh viên có thể trở thành các thanh toán viên của các phòng Thanh toán quốc tế tại các Ngân hàng thương mại. Ngoài ra, người học có thể đảm nhiệm công tác thanh toán xuất nhập khẩu tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Chuẩn đầu ra: K7, K8, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.31. Kinh doanh ngoại hối**3 TC**

Môn học trước: Kinh tế vĩ mô, Tiền tệ ngân hàng và thị trường tài chính 1.

Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về cách thức tổ chức, hoạt động, các khái niệm, thuật ngữ, thông lệ giao dịch được sử dụng trên thị trường ngoại hối. Môn học sẽ tập trung nghiên cứu các khái niệm, đặc điểm, thông lệ giao dịch và ứng dụng các giao dịch kinh doanh ngoại hối vào thực tế bao gồm các giao dịch ngoại hối: giao ngay, kỳ hạn, tương lai, hoán đổi, quyền chọn. Môn học này sẽ giúp cho sinh viên

khi làm việc tại các ngân hàng vừa có thể tự doanh tăng lợi nhuận, vừa có thể cung cấp các dịch vụ mua/bán hộ ngoại tệ cho các khách hàng xuất nhập khẩu; khi làm việc tại các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp xuất nhập khẩu đưa ra những quyết định tài chính đúng như thực hiện bán/mua ngoại tệ, thực hiện vay/gửi ngoại tệ cũng như phòng ngừa rủi ro tỷ giá và lựa chọn đồng tiền thanh toán trong các giao dịch ngoại thương.

Chuẩn đầu ra: K7, K8, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.32. Ngân hàng quốc tế 2

3 TC

Môn học trước: Kinh tế vĩ mô, Tiền tệ ngân hàng và thị trường tài chính 1.

Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về cấu trúc tổ chức và các nguyên tắc hoạt động của các định chế ngân hàng quốc tế với vai trò trụ cột trong việc thanh toán thương mại toàn cầu cùng các chu chuyển vốn quốc tế. Các chủ đề có liên quan khác như thị trường ngoại hối liên ngân hàng quốc tế, các công cụ phái sinh sử dụng trong quản trị rủi ro ngân hàng quốc tế, phân tích rủi ro quốc gia/nợ quốc gia cũng sẽ được giới thiệu trong môn học này.

Chuẩn đầu ra: K7, K8, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.33. Quản trị ngân hàng

3 TC

Môn học trước: Kinh tế vĩ mô, Tiền tệ ngân hàng và thị trường tài chính 1, Ngân hàng thương mại.

Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về tổng quan hoạt động của ngân hàng hiện đại, các xu hướng tác động đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng cũng như các mô hình tổ chức quản trị hoạt động trong hệ thống ngân hàng. Sau khi học xong học phần này sinh viên nắm được những nội dung cơ bản các phương pháp quản trị trong hoạt động huy động vốn, quản trị vốn tự có, quản trị thanh khoản, quản trị hoạt động tín dụng, quản trị rủi ro lãi suất.

Chuẩn đầu ra: K7, K8, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.34. Ngân hàng trung ương

2 TC

Môn học trước: Kinh tế vĩ mô, Tiền tệ ngân hàng và thị trường tài chính 1, Ngân hàng thương mại.

Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động của NHTW và các nghiệp vụ cụ thể trong hoạt động của ngân hàng trung ương như các nghiệp vụ: phát hành tiền, điều tiết lượng tiền trong lưu thông, nghiệp vụ tín dụng và thanh toán, quản lý ngoại hối, nghiệp vụ thị trường mở, thanh tra, giám sát và kiểm soát nội bộ của NHTW.

Chuẩn đầu ra: K7, K8, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.35. Thực hành nghề nghiệp

2 TC

Môn học trước: Giáo dục đại cương, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành.

Giúp cho Sinh viên tiếp cận, nghiên cứu một đề tài cụ thể trong thực tiễn, hình thành tác phong nghiên cứu khoa học, có kiến giải độc lập về một đề tài cụ thể. Sinh viên chọn đề tài nghiên cứu độc lập; hoặc một mảng đề tài trong chương trình nghiên cứu khoa học của khoa Tài chính

12.36. Quản lý danh mục đầu tư

3 TC

Môn học trước: Tài chính doanh nghiệp 1

Đây là môn học cung cấp những kiến thức đầu tư hiện đại liên quan đến các lý thuyết Tài chính và những chứng cứ thực nghiệm để đưa ra một quyết định đầu tư. Các chủ đề trong môn học này bao gồm: Lý thuyết danh mục; Các mô hình định giá chứng khoán (bao gồm mô hình định giá Tài sản vốn- CAPM và lý thuyết kinh doanh chênh lệch giá- APT); Phân tích kỹ thuật trong dự báo biến động giá chứng khoán; Lý thuyết thị trường hiệu quả; Các lý thuyết hiện đại liên quan đến tiến trình triển khai chiến lược quản lý danh mục vốn đầu tư; Xây dựng tập hợp danh mục đầu tư hiệu quả; Triển khai các chiến lược tạo ra giá trị, các phương pháp đo lường đóng góp giá trị hàng năm của danh mục; Quản lý danh mục thông qua xây dựng lịch trình chiến lược quản lý danh mục vốn.

Chuẩn đầu ra: K7, K8, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.37. Ngân hàng đầu tư

2 TC

Môn học trước: Tiền tệ - ngân hàng và thị trường tài chính 1, Tài chính doanh nghiệp và Nguyên lý kế toán.

Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về hình thức ngân hàng đầu tư và các nghiệp vụ đầu tư của ngân hàng thương mại trong nền kinh tế. Các nghiệp vụ được trang bị cho sinh viên bao gồm: nghiệp vụ hỗ trợ huy động vốn, nghiệp vụ mua bán, sáp nhập doanh nghiệp, nghiệp vụ quản lý tài sản, nghiệp vụ ngân hàng bán buôn, nghiệp vụ tư vấn doanh nghiệp, nghiệp vụ môi giới.

Chuẩn đầu ra: K7, K8, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.38 . Quản trị rủi ro trong ngân hàng và Basel

2 TC

Môn học trước: Kinh tế vĩ mô, Tiền tệ ngân hàng và thị trường tài chính 1, Ngân hàng thương mại.

Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về các loại rủi ro trong hoạt động kinh doanh ngân hàng như rủi ro thanh khoản, rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và các loại rủi ro khác... Kết hợp với nhiều cách tiếp cận khác nhau trong quản trị rủi ro kinh doanh ngân hàng, học phần sẽ giới thiệu các phương pháp quản trị rủi ro theo các qui định và tiêu chuẩn của Hiệp ước Basel, đặc biệt là các khuôn khổ áp dụng đối với hệ thống ngân hàng Việt Nam. Cung cấp kiến thức chuyên sâu về rủi ro và quản trị rủi ro theo chuẩn mực Basel trong ngân hàng. Nắm vững các chuẩn mực Basel mà đặc biệt là Basel 2 về an toàn trong hoạt động ngân hàng. Nghiên cứu các vấn đề chuyên sâu về các công cụ phái sinh giúp ngân hàng tự bảo hiểm rủi ro.

Chuẩn đầu ra: K7, K8, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.39. Xếp hạng tín dụng

2 TC

Môn học trước: Kinh tế vĩ mô, Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng thương mại.

Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về lịch sử của hoạt động xếp hạng tín nhiệm trên thế giới. Từ đó, sinh viên nắm được các phương pháp luận trong hoạt động xếp hạng tín nhiệm, tiến trình thực hiện xếp hạng tín nhiệm nội bộ trong ngân hàng tại Việt Nam. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể nhanh chóng nắm bắt được các hoạt động cụ thể trong quy trình xếp hạng tín nhiệm nội bộ trong ngân hàng.

Chuẩn đầu ra: K7, K8, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.40. Thị trường Chứng khoán phái sinh

3 TC

Môn học trước: Tài chính doanh nghiệp, Thị trường chứng khoán.

Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về tổng quan thị trường phái sinh, đi sâu vào tìm hiểu đặc điểm, hoạt động giao dịch trên sàn, định giá các hợp đồng phái sinh, vận dụng việc giao dịch, định giá vào kinh doanh, quản trị rủi ro.

Chuẩn đầu ra: K7, K8, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.41. Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng

3TC

Môn học trước: Kinh tế vĩ mô, Nguyên lý kế toán, Ngân hàng thương mại.

Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về phân tích và đánh giá hoạt động kinh doanh ngân hàng từ tìm hiểu phân tích sản phẩm, dịch vụ và chiến lược sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, phân tích tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh ngân hàng cho đến phân tích đối thủ cạnh tranh trong lĩnh vực ngân hàng và phân tích hoạch định chiến lược kinh doanh cho ngân hàng.

Chuẩn đầu ra: K7, K8, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.42. Kế toán tài chính 1

3 TC

Môn học trước: Nguyên lý kế toán.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, trong chương trình chung của Bộ GD-ĐT, nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về công tác kế toán ở các doanh nghiệp sản xuất, thương mại và dịch vụ. Sau khi học xong phần này, Sinh viên sẽ nắm được nội dung, qui trình công tác kế toán ở các doanh nghiệp sản xuất, từ đó dễ dàng đọc, hiểu hệ thống các báo cáo Tài chính của doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Chuẩn đầu ra: K6, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.43. Kế toán ngân hàng

3 TC

Môn học trước: Nguyên lý kế toán, Ngân Hàng Thương mại

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, trong chương trình chung của Bộ GD-ĐT, nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về công tác kế toán ở ngân hàng thương mại. Sau khi học xong phần này, Sinh viên sẽ nắm được nội dung, qui trình công tác kế toán ở ngân hàng, từ đó dễ dàng đọc, hiểu hệ thống các báo cáo Tài chính của ngân hàng theo quy định hiện hành.

Chuẩn đầu ra: K7, K8, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.44. Tài chính doanh nghiệp 2

3 TC

Môn học trước: Kinh tế vi mô I, Kinh tế vĩ mô I, Nguyên lý kế toán, Tài chính doanh nghiệp 1

Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản, các kỹ năng phân tích trong quá trình ra quyết định về tài chính. Các chủ đề bao gồm phân tích và ra quyết định đầu tư trong mối tương quan với chi phí sử dụng vốn, phân tích rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính, quản trị tài sản, phân tích khái quát cơ cấu vốn và nguồn vốn, lượng giá và chi phí vốn.

Môn học này nhằm nâng cao hơn nữa các nội dung mà sinh viên đã được học qua môn học Tài chính Doanh nghiệp. Môn học này gồm các nội dung về chính sách cổ tức; Chính sách nợ tác động như thế nào đến giá trị doanh nghiệp; Một doanh nghiệp nên vay bao nhiêu? Các yếu tố tác động giá trị nợ; Tín dụng thuê mua; Nhận diện và định giá các quyền chọn; Các quyền chọn thực; Định giá nợ; Chứng chỉ đặc quyền và trái phiếu chuyển đổi; Các nguyên tắc cơ bản hoạch định cấu trúc Tài chính; Lập kế hoạch Tài chính ngắn hạn; Lập kế hoạch Tài chính dài hạn và quản trị Tài sản

Chuẩn đầu ra: K7, K8, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.45. Toán tài chính (Financial Mathematics)

3 TC

Môn học trước: Toán cao cấp

Cung cấp cho SV các kiến thức mở đầu về toán tài chính : Các công cụ và thể chế tài chính, các loại tài phẩm. Mô hình động của giá các loại chứng khoán, trạng thái giá và mô hình thị trường không có độ chênh thị giá. Định giá hợp lý các quyền tài chính. Mô hình lãi suất trái phiếu và định giá trái phiếu. Môn học trang bị cho sinh viên

những kiến thức tâm lý, kỹ năng ứng xử, giao tiếp và giải quyết tình huống trong kinh doanh.

Chuẩn đầu ra: K6, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.46. Marketing ngân hàng

3 TC

Môn học trước: Kinh tế vi mô I và kinh tế vĩ mô I

Giới thiệu các khái niệm cơ bản về Marketing trong lĩnh vực ngân hàng và những hoạt động cụ thể của các chức năng marketing trong hoạt động ngân hàng, những khái niệm về môi trường và phân tích môi trường marketing nghiên cứu thị trường và nhận diện các cơ hội kinh doanh, phân khúc thị trường và chọn thị trường mục tiêu, xây dựng chiến lược của marketing hỗn hợp, chiến lược sản phẩm- dịch vụ, chiến lược giá cả, chiến lược phân phối và chiến lược xúc tiến thương mại (quảng cáo, khuyến mãi, bán hàng trực tiếp và quan hệ cộng đồng) cùng với việc lập kế hoạch tổ chức và kiểm soát việc thực hiện các hoạt động Marketing ngân hàng.

Chuẩn đầu ra: K7, K8, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.47. Khóa luận tốt nghiệp

8TC

Giúp sinh viên củng cố những kiến thức lý thuyết mà sinh viên đã được trang bị tại nhà trường, bổ sung thêm những kiến thức mới đang được sử dụng trong thực tế.

Tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận tình hình hoạt động thực tế tại một tổ chức, từ đó quan sát, đối chiếu so sánh, học hỏi và áp dụng lý thuyết đã học vào thực tế. Sinh viên biết vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể về nghiệp vụ.

Rèn luyện khả năng tự nghiên cứu, và thích ứng ngay được với công việc thực tế sau khi tốt nghiệp.

13.48. Kỹ năng mềm (soft skills)

04 TC

Cung cấp sinh viên những kỹ năng quan trọng trong cuộc sống con người như: kỹ năng sống, giao tiếp, lãnh đạo, làm việc nhóm, quản lý thời gian, thư giãn, vượt qua khủng hoảng, sáng tạo, đổi mới, ... giúp con người tư duy và tương tác với nhau phục vụ cho công việc; nhưng không phải là kỹ năng chuyên môn/kỹ thuật. Đó là khả

năng ứng xử, nhạy bén với công việc và giải quyết khó khăn một cách nhanh nhất có thể, hạn chế tối đa những rủi ro công việc, giúp sinh viên phát huy hết những kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ đã được đào tạo.

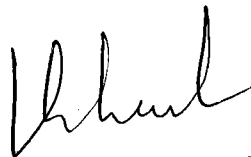
13. MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH
(xem Phụ lục 1)

14. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN PHỤC VỤ GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN
TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (xem Phụ lục 2)

15. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO (xem Phụ lục 3)

TP.HCM, ngày ..~~08~~ tháng 10.. năm 201

TRƯỞNG KHOA



PGS.TS. Hồ Chử Tiên

HIỆU TRƯỞNG



PHỤ LỤC 1

MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH

STT	CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	Chuẩn đầu ra																
		Kiến thức								Kỹ năng				Năng lực tự chủ				
		K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7	K8	S1	S2	S3	S4	S5	A1	A2	A3	A4
	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG																	
1	Triết học Mác - Lênin	x								x	x	x						
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x								x	x	x						
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x								x	x	x						
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x								x	x	x						
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x								x	x	x						
6	Pháp luật đại cương	x								x	x	x						
7	Toán cao cấp		x															
8	Tin học đại cương		x											x				
9	Anh văn căn bản 1	x																
10	Anh văn căn bản 2	x																
11	Anh văn căn bản 3	x																
12	Anh văn căn bản 4	x																
13	Anh văn căn bản 5	x																
14	Anh văn căn bản 6	x																
	Giáo dục thể chất																	
	Giáo dục Quốc phòng																	
	Huấn luyện các kỹ năng mềm																	
	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP																	
15	Kinh tế vi mô 1			x														x
16	Kinh tế vi mô 1			x														x
17	Nguyên lý kế toán				x													x
18	Nguyên lý Marketing				x													x

PHỤ LỤC 2

**ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN PHỤC VỤ GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN TRONG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

STT	HỌ VÀ TÊN, NĂM SINH	HỌC VỊ, NĂM CÔNG NHẬN	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	MÔN HỌC GIẢNG DẠY	GHI CHÚ
1	Phạm Lê Quang, 1960	Tiến sĩ, 2010	Triết học	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	
2	Lại Văn Nam, 1973	Thạc sĩ, 2006	Triết học	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị	
3	Nguyễn Minh Hiền, 1972	Thạc sĩ, 2004	Triết học	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Chính trị	
4	Kinh Thị Tuyết, 1974	Thạc sĩ, 2004	Luật	Pháp Luật Đại cương, Soạn thảo Văn Bản, Luật Kinh tế	
5	Trần Văn Bình, 1972	Thạc sĩ, 2005	Luật	Pháp Luật Đại cương, Soạn thảo Văn Bản, Luật Kinh tế	
6	Đặng Chung Kiên, 1979	Thạc sĩ, 2006	Triết học	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị	
7	Lê Văn Dũng, 1981	Thạc sĩ, 2011	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	
8	Bùi Minh Nghĩa, 1982	Thạc sĩ, 2014	Triết học	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị	
9	Đàm Thị Hằng, 1982	Thạc sĩ, 2010	Kinh tế Chính trị	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị	
10	Mạch Ngọc Thủy, 1977	Thạc sĩ, 2004	Triết học	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Chính trị	
11	Ngô Quang Thịnh	Thạc sĩ, 2009	Kinh tế Chính trị	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Chính trị	
12	Đặng Hữu Sửu, 1962	Thạc sĩ, 2003	Triết học	Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam, Chính trị	
13	Đỗ Thị Thanh Huyền, 1985	Thạc sĩ, 2010	Triết học	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chính trị	
14	Hoàng Thị Mỹ Nhân, 1986	Thạc sĩ, 2013	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam, Chính trị	
15	Lê Thị Hoài Nghĩa, 1985	Thạc sĩ,	Triết học	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa	

		2013		học, Kinh tế chính trị, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chính trị
16	Nguyễn Huy Hoàng, 1964	Tiến sĩ, 2010	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng...
17	Nguyễn Văn Phong, 1980	Thạc sĩ, 2006	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...
18	Trần Kim Thanh, 1957	Tiến sĩ, 2000	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...
19	Trần Lộc Hùng, 1954	Phó Giáo sư TS	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...
20	Nguyễn Tuấn Duy, 1984	Tiến sĩ, 2018	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...
21	Ngô Thái Hưng, 1983	Thạc sĩ, 2010	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng...
22	Võ Thị Bích Khuê, 1982	Tiến sĩ, 2018	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng,...
23	Nguyễn Đức Bằng, 1981	Thạc sĩ, 2006	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...
24	Nguyễn Trung Đông, 1980	Thạc sĩ, 2008	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...
25	Phạm Thị Thu Hiền, 1979	Thạc sĩ, 2007	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng,...
26	Nguyễn Vũ Dzũng, 1978	Thạc sĩ, 2005	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...
27	Dương Thị Phương Liên, 1975	Thạc sĩ, 2002	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...
28	Trần Mạnh Tường, 1974	Thạc sĩ, 2010	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế

				lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
29	Lê Trường Giang, 1989	Thạc sĩ, 2013	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng,...	
30	Vũ Anh Linh Duy, 1979	Thạc sĩ, 2010	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
31	Nguyễn Quyết,	Tiến sĩ, 2018	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
32	Nguyễn Bá Thanh, 1976	Thạc sĩ, 2005	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
33	Phạm Việt Huy, 1979	Thạc sĩ, 2005	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
34	Phan Trí Kiên, 1981	Thạc sĩ, 2012	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
35	Lê Thị Ngọc Hạnh, 1986	Thạc sĩ, 2013	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
36	Nguyễn Thị Hồng Vân, 1985	Thạc sĩ, 2014	Cử Nhân Toán, Ths. QTKD	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
37	Lê Thị Bích Thảo, 1989	Thạc sĩ, 2015	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
38	Tô Thị Đông Hà, 1974	Thạc sĩ, 2003	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
39	Phạm Thị Nguyệt Sương, 1981	Thạc sĩ, 2008	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
40	Nguyễn Thị Thái Thuận, 1978	Thạc sĩ, 2006	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
42	Thái Thị Tường Vi, 1981	Thạc sĩ, 2011	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
43	Hồ Thị Thanh Trúc, 1989	Thạc sĩ, 1989	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
44	Ngô Thị Duyên, 1988	Thạc sĩ, 2015	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
45	Đoàn Ngọc Phúc, 1975	Tiến sĩ, 2017	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
46	Phan Ngọc Yên Xuân, 1989	Thạc sĩ,	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ	

		2015		mô,...	
47	Hoàng Thị Xuân, 1987	Thạc sĩ, 2014	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
48	Nguyễn Thị Hào, 1983	Thạc sĩ, 2010	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
49	Nguyễn Thị Quý, 1983	Thạc sĩ, 2012	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
50	Ngô Thị Hồng Giang, 1983	Thạc sĩ, 2010	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
51	Lại Thị Tuyết Lan, 1980	Thạc sĩ, 2009	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
52	Phạm Thị Vân Anh, 1977	Thạc sĩ, 2012	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
53	Trần Hạ Long, 1978	Thạc sĩ, 2012	Triết học	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	
54	Vũ Văn Quế, 1972	Thạc sĩ, 2011	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	
55	Nguyễn Thái Hà, 1986	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
56	Nguyễn Nam Phong, 1985	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
57	Nguyễn Anh Tuấn, 1975	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
58	Ngô Thị Thu, 1962	Tiến sĩ	Kinh tế	Nguyên lý Marketing	
59	Ngô Vũ Quỳnh Thi, 1976	Thạc sĩ	Kinh doanh và QL	Nguyên lý Marketing	
60	Nguyễn Ngọc Bích Trâm, 1988	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
61	Trần Nhật Minh, 1975	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
62	Ninh Đức Cúc Nhật, 1987	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
63	Nguyễn Thị Minh Ngọc, 1988	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
64	Ngô Minh Trang, 1974	Thạc sĩ	Quản trị chuyên nghiệp	Nguyên lý Marketing	
65	Nguyễn Đông Triều, 1983	Thạc sĩ	Kinh doanh và quản lý	Nguyên lý Marketing	
66	Trịnh Thị Hồng Minh, 1988	Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại	Nguyên lý Marketing	
67	Huỳnh Trị An, 1983	Thạc sĩ	Marketing	Nguyên lý Marketing	
68	Nguyễn Ngọc Hạnh, 1979	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
69	Nguyễn Thị Thoa, 1986	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý Marketing	

70	Nguyễn Thị Thúy, 1989	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
71	Lâm Ngọc Thùy, 1985	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
72	Nguyễn Thị Hồng Nguyệt, 1982	Tiến sĩ	Kinh doanh và quản lý	Nguyên lý Marketing	
73	Đặng Huỳnh Phương, 1989	Thạc sĩ	Marketing	Nguyên lý Marketing	
74	Trần Hằng Diệu, 1989	Thạc sĩ	Kế toán	Nguyên lý kế toán	
75	Nguyễn Thị Nga Dung, 1986	Thạc sĩ	Kế toá	Nguyên lý kế toán	
76	Thái Trần Văn Hạnh, 1977	Thạc sĩ	Kế toán	Nguyên lý kế toán	
77	Nguyễn Minh Hằng, 1988	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý kế toán	
78	Lê Quang Mẫn	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý kế toán	
79	Vương Thị Thanh Nhân, 1985	Thạc sĩ	Kế toán	Nguyên lý kế toán	
80	Phạm Thị Kim Thanh, 1984	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	
81	Nguyễn Hà Minh Thi, 1985	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	
82	Ngô Thị Mỹ Thúy, 1973	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	
83	Chu Thị Thương, 1984	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý kế toán	
84	Lê Văn Tuấn, 1977	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	
85	Dương Hoàng Ngọc Khuê, 1980	Tiến sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	
86	Ngô Nhật Phương Diễm, 1978	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	
87	Nguyễn Thị Kiều Oanh, 1991	Thạc sĩ	Kế toán	Nguyên lý kế toán	
88	Nguyễn Thị Ngọc Oanh, 1991	Thạc sĩ	Kế toán	Nguyên lý kế toán	
89	Ung Hiến Nhã Thi, 1988	Thạc sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Nguyên lý kế toán	
90	Hoàng Tôn Thanh Uyên, 1978	Thạc sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
91	Phạm Thị Thanh Xuân, 1981	Tiến sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
92	Vũ Thanh Tùng, 1984	Thạc sĩ	Kinh tế	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
93	Chu Thị Thanh Trang, 1986	Thạc sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
94	Nguyễn Xuân Dũng, 1990	Thạc sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
95	Lê Thị Ngọc Phượng, 1984	Thạc sĩ		Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
96	Trần Thị Thanh Nga, 1987	Thạc sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
97	Nguyễn Thị Bảo Ngọc, 1988	Thạc sĩ	Kinh tế	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
98	Trương Xuân Hương, 1985	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Tin học đại cương	
99	Nguyễn Thị Trần Lộc, 1984	Thạc sĩ	Kỹ thuật	Tin học đại cương	
100	Tôn Thất Hòa An, 1962	Tiến sĩ	Kỹ sư	Tin học đại cương	
101	Lâm Hoàng Trúc Mai, 1987	Thạc sĩ	Kỹ thuật	Tin học đại cương	

102	Phạm Thủy Tú, 1985	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	Tin học đại cương	
103	Trương Đình Hải Thụy, 1974	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Tin học đại cương	
104	Nguyễn Thanh Trường, 1971	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Tin học đại cương	
105	Trần Thanh Sơn, 1970	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Tin học đại cương	
106	Trần Trọng Hiếu, 1966	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Tin học đại cương	
107	Trần Anh Sơn, 1971	Thạc sĩ	Tài chính Bảo hiểm	Tin học đại cương	
108	Võ Xuân Thế, 1970	Thạc sĩ	Tin học	Tin học đại cương	
109	Nguyễn Huy Khang, 1974	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Tin học đại cương	
110	Nguyễn Quốc Thanh, 1978	Thạc sĩ	Truyền dữ liệu và mạng máy tính	Tin học đại cương	
111	Huỳnh Ngọc Thành Trung, 1976	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Tin học đại cương	
112	Nguyễn Thanh Bình, 1983	Thạc sĩ	Đảm bảo toán học cho máy tính và hệ thống tính toán	Tin học đại cương	
113	Lê Thị Kim Thoa, 1979	Thạc sĩ	Kế toán	Tin học đại cương	
114	Đình Nguyễn Thúy Nguyệt, 1988	Thạc sĩ	Kỹ thuật	Tin học đại cương	
115	Nguyễn Ngọc Trân Châu, 1974	Tiến sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6 Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
16	Nguyễn Thị Châu Ngân, 1979	Tiến sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
117	Nguyễn Thị Tuyết Anh, 1980	Thạc sĩ NCS	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
118	Phạm Thị Thùy Trang, 1975	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
119	Nguyễn Thị Bội Ngọc, 1971	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh Quản lý Giáo dục	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
120	Nguyễn Thị Công Dung, 1972	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
121	Nguyễn Thị Kim Ba, 1980	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
122	Chu Quang Phê, 1980	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
123	Nguyễn Thị Thúy An, 1987	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
124	Bùi Thị Nhi, 1977	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
125	Lê Xuân Quỳnh Anh, 1982	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	

126	Võ Thị Anh Đào, 1979	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
127	Mai Văn Thông, 1963	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
128	Lê Thị Thanh Trúc, 1976	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
129	Nguyễn Ngọc Tuyên, 1965	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
130	Nguyễn Thị Tuyết Mai, 1990	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
131	Đặng Nguyễn Phương Thảo, 1987	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
132	Huỳnh Nguyên Thu, 1988	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
133	Võ Thị Ánh Nguyệt, 1976	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
134	Nguyễn Thị Xuân Chi, 1983	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
135	Nguyễn Thị Diễm, 1983	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
136	Võ Thị Kim Cúc, 1989	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
137	Đỗ Khoa, 1989	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
138	Dương Thị Thu Hiền, 1984	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
139	Đoàn Quang Định, 1977	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
140	Nguyễn Thị Hằng, 1985	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
141	Phan Thị Hiền, 1980	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
142	Trần Thúy Quỳnh My, 1988	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
143	Nguyễn Văn Hân, 1987	Thạc sĩ NCS	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
144	Nguyễn Thị Thanh Huyền, 1990	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
145	Phạm Thị Ngọc Lan, 1987	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
146	Trần Thế Khoa, 1993	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
147	Phan Văn Quang, 1990	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
148	Nguyễn Thị Nguyệt, 1990	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
149	Nguyễn Thanh Lâm, 1972	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	
150	Nguyễn Phi Hoàng, 1974	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	
151	Nguyễn Thị Hải Bình, 1978	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	
152	Nguyễn Kiều Oanh, 1977	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	
153	Lượng Văn Quốc, 1982	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	
154	Thái Kim Phong, 1977	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	
155	Lê Văn Quý, 1960	Thạc sĩ	Kinh tế	Quản trị học	
156	Hoàng Văn Trung, 1982	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	
157	Trần Thị Siêm, 1980	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	
158	Hồ Thị Thu Hồng, 1983	Thạc sĩ	Kinh tế	Quản trị học	
159	Trần Nguyễn Kim Đan,	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	

	1979				
160	Trương Thị Thúy Vân, 1982	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	
161	Trần Quốc Tuấn, 1966	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	
162	Nguyễn Ngọc Hạnh			Quản trị học	
163	Trần Huy Hoàng	PGS, Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Ngân hàng thương mại. Quản trị rủi ro ngân hàng, Ngân hàng trung ương, Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng	
164	Phạm Quỳnh Châu	Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Ngân hàng thương mại	
165	Lê Thị Thúy Hằng	Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Ngân hàng thương mại, Kinh doanh ngoại hối, Ngân hàng quốc tế 1, 2	
166	Nguyễn Vũ Duy	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Ngân hàng thương mại, Thẩm định tín dụng, Xếp hạng tín nhiệm, Thị trường chứng khoán	
167	Nguyễn Mậu Bá Đăng	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Ngân hàng thương mại, Quản trị rủi ro ngân hàng, Ngân hàng trung ương, Quản trị rủi ro ngân hàng và Basel.	
168	Phan Thị Hương	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Thẩm định tín dụng, Ngân hàng quốc tế 1	
169	Tô Thị Hồng Gấm	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Ngân hàng thương mại, Ngân hàng trung ương	
170	Nguyễn Ngọc Thảo Trang	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Kinh doanh ngoại hối, Thị trường chứng khoán	
171	Phạm Thị Quỳnh Nga	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Ngân hàng thương mại	
172	Nguyễn Vũ Thân	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Ngân hàng thương mại, Thị trường chứng khoán	
173	Trần Thị Phương Thanh	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Ngân hàng thương mại, Thị trường chứng khoán	
174	Trần Văn Trung	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Thị trường chứng khoán, Thị trường chứng khoán phái sinh, Ngân hàng đầu tư	
175	Trương Văn Khánh	Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Ngân hàng thương mại, Ngân hàng quốc tế 1, 2	
176	Hồ Thùy Tiên	PGS.TS	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính quốc tế, Chiến lược tài chính công ty	
177	Nguyễn Thị Mỹ Linh	PGS.TS	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính Doanh nghiệp 1, 2	
178	Bùi Hữu Phước	TS	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp 1, 2	
179	Phan Thị Mỹ Hạnh	TS	Tài chính -	Tài chính quốc tế	

			Ngân hàng	
180	Nguyễn Phú Quốc	ThS	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính Doanh nghiệp 1, 2
181	Phạm Thị Thu Hồng	ThS	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính Doanh nghiệp 1, 2, Toán tài chính
182	Phạm Thị Thanh Truyền	ThS	Tài chính - Ngân hàng	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm
183	Trần Thị Diễm	TS	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp 1, 2
184	Hồ Thị Thu Hoài	ThS	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính quốc tế, Nguyên lý và thực hành bảo hiểm
185	Hồ Thị Lam	ThS	Tài chính - Ngân hàng	1Quản trị rủi ro tài chính
186	Nguyễn Văn Toàn	ThS	Tài chính - Ngân hàng	Toán tài chính, 1Quản trị rủi ro tài chính
187	Trần Phạm Trác	ThS	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp 1, 2
188	Nguyễn Thị Hoa	ThS	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp
189	Nguyễn Thị Ngọc Loan	ThS	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp 1, 2
190	Trần Thị Kim Oanh	TS	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp 1, Nguyên lý và thực hành bảo hiểm
191	Nguyễn Xuân Bảo Châu	ThS	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính quốc tế
192	Lê Võ Đại Hải	ThS	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp 1, 2

PHỤ LỤC 2
CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Số T T	Loại phòng học (phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học chuyên dụng)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1	Phòng máy thực hành (306-Nguyễn Trọng Tuyền, Quận Tân Bình)	10	668,8	Máy tính	467	Phục vụ các học phần có thực hành trên máy tính
2	Phòng học ML (343/4)	4	217	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
2	Phòng học ML (CS 02)	54	3.500	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
3	Phòng học thường (CS 02)	23	2.188	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
4	Phòng đa năng (CS 02)	4	189	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
5	Phòng học ML (778NK)	23	1.979	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
6	Phòng học thường (778NK)	25	1.223	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
7	Phòng thực hành (778NK)	1	86	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
8	Phòng học ML (CS Q9)	20	1.516	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
9	Phòng học thường (CS Q9)	50	4.712	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
10	Phòng thực hành (CS Q9)	10	1.248	Máy tính	389	Phục vụ các học phần có thực hành trên máy tính

11	Phòng đa năng (CS Q9)	1	104	Máy chiếu	1	Phục vụ các học phần lý thuyết, thực hành
12	Phòng học thường (CS TXS-B)	6	420	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
13	Phòng Lab tiếng Anh (CS TXS-B)	3	270	Máy tính	147	Phục vụ các học phần tiếng Anh
14	Phòng thực hành CS TXS-B)	4	360	Máy tính	172	Phục vụ các học phần thực hành trên máy tính
15	Phòng đa năng (CS TXS-B)	5	240	Máy chiếu	1	Phục vụ các học phần lý thuyết, thực hành
16	Phòng học ML (CS TXS-A)	45	4.815	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
17	Phòng đa năng (CS TXS-A)	1	43	Máy chiếu	1	Phục vụ các học phần lý thuyết, thực hành

2. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

2.1 Thư viện

- Tổng diện tích thư viện: 2.080 m², trong đó có 1.300 m² là diện tích phòng đọc. Thư viện được đặt tại các cơ sở:
 - o Cơ sở 1: 2/4 Trần Xuân Soạn, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7.
 - o Cơ sở 2: 2C Phở Quang, Phường 2, Quận Tân Bình.
 - o Cơ sở 3: B2/1A Đường 385, Phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9.
- Số chỗ ngồi: 300; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 101
- Phần mềm quản lý thư viện: PSC Zlis 7.0
- Đã có thư viện điện tử, đã kết nối với các cổng thông tin điện tử như:
 - o Cổng thông tin Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ.
 - o Cơ sở dữ liệu sách điện tử IGP.
 - o Cơ sở dữ liệu kết quả nghiên cứu quốc gia.
 - o Ebooks của Nhà xuất bản Tổng hợp.
 - o Cơ sở dữ liệu điện tử Proquest.
- Tài liệu tham khảo tại thư viện:
 - o Số lượng đầu sách dạng in: 14.413; bao gồm sách tiếng Anh và tiếng Việt.

- Tài liệu học tập các môn cơ sở và chuyên ngành du lịch, khách sạn, nhà hàng: 389 nhan đề /1733 bản.
- Số lượng tựa tạp chí: 41.
- Số lượng đầu sách, tài liệu điện tử:
 - Luận văn Thạc sỹ: 2.057 tựa; Chuyên đề tốt nghiệp: 70 tựa;
 - Tài liệu nghiên cứu khoa học: 12 tựa; Bài giảng: 54 tựa;
 - Tài liệu thuê quyền truy cập từ NXB Tổng hợp: 300.

2.2 Giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
1	Kinh doanh Ngoại hối	Phạm Quốc Việt	NXB Tài Chính	2016	Kinh doanh ngoại hối
2	Ngân hàng thương mại	Trần Huy Hoàng	NXB Tài Chính	2019	Ngân hàng thương mại
3	Ngân hàng Trung ương	Trần Huy Hoàng	NXB Tài Chính	2018	Ngân hàng Trung ương
4	Quản trị ngân hàng thương mại	Trần Huy Hoàng	NXB LĐXH	2011	Quản trị ngân hàng
5	Thị trường chứng khoán	Nguyễn Thị Mỹ Dung	NXB Tài Chính	2012	Thị trường chứng khoán